



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan



BẢN TIN

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ & TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Được phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lô LK1, KĐT ICC nổi đường Lạch Tray với đường Hồ Sen, Cầu Rào 2, P. Đông Hải, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 3 toà nhà ngân hàng Sacombank, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Email : acacvn@acacvn.com



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan

Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5-6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	7
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	8
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	9-10
CÁC VĂN BẢN KHÁC	11



THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Xác định số thuế GTGT được hoàn

Theo **Công văn số 3902/TCT-KK** ngày 17/9/2020 của TCT, trường hợp Công ty TNHH A (sau đây gọi là Công ty) được Cục Thuế thành phố Hà Nội thực hiện thủ tục đóng mã số thuế 13 số 0101824243-XXX của Công ty để cấp mã số thuế mới 10 số 0108345XXX thì đề nghị Cục Thuế thành phố Hà Nội xác định đầy đủ, chính xác nghĩa vụ thuế của Công ty tại thời điểm sử dụng mã số thuế 13 số để chuyển tiếp sang mã số thuế 10 số tiếp tục kê khai, nộp thuế.

Trường hợp sau khi chuyển tiếp toàn bộ nghĩa vụ thuế từ mã số thuế 13 số sang mã số thuế 10 số, nếu Công ty TNHH A có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đủ điều kiện được hoàn thì công ty sẽ được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Quản lý thuế GTGT đối với dự án đầu tư chấm dứt hoạt động

Theo **Công văn số 3880/TCT-KK** ngày 17/9/2020 của TCT, trường hợp dự án đầu tư Nhà máy bột và giấy A của Công ty cổ phần A chấm dứt hoạt động theo quyết định số 75/QĐ-SKHĐT ngày 26/4/2018 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi thì Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi và Công ty thực hiện xử lý số thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 Bộ Tài chính

Thủ tục hoàn thuế GTGT đối với nguồn vốn ODA

Theo **Công văn số 3956/TCT-CS** ngày 22/9/2020 của TCT, Chủ dự án sử dụng nguồn vốn ODA không hoàn lại là đối tượng được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.

Do đặc thù về tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo Văn kiện dự án đã được Bộ Y tế phê duyệt, trường hợp Chủ dự án ủy quyền cho Ban quản lý dự án tuyển trung ương và tuyển địa phương (sau đây gọi chung là BQLDA) trong việc thực hiện dự án và thực hiện các thủ tục về hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật thì BQLDA được thay mặt Chủ dự án thực hiện thủ tục hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ ở Việt Nam từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ dự án. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của hồ sơ hoàn thuế của BQLDA.

Khấu trừ thuế GTGT của các nhà máy thủy điện

Theo **Công văn số 4111/TCT-DNL** ngày 30/9/2020 của TCT, Trường hợp Công ty cổ phần thủy điện Miền Nam có nhà máy sản xuất thủy điện tại địa phương khác nơi đóng trụ sở chính công ty, có phát sinh doanh thu thủy điện thì Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT đối với các nhà máy thủy điện tại trụ sở chính và xác định riêng số thuế GTGT phát sinh phải nộp của từng nhà máy để nộp vào kho bạc địa phương nơi có nhà máy sản xuất thủy điện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Số thuế GTGT phát sinh phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện được xác định bằng số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất thủy điện tương ứng của từng nhà máy. Số thuế GTGT đầu vào của các máy móc, vật tư và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh cho các nhà máy thủy điện do Công ty mua và kê khai tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa được khấu trừ, Công ty xác định riêng cho từng nhà máy thủy điện và bù trừ với số thuế GTGT đầu ra phát sinh của từng nhà máy vào các kỳ kê khai tiếp theo nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ theo quy định. Đối với số thuế GTGT đầu vào liên quan đến chi phí quản



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan

lý doanh nghiệp không tách riêng được, công ty thực hiện phân bổ cho từng nhà máy theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của ông nhà máy so với tổng doanh thu của Công ty trong kỳ tính thuế.

Từ ngày 01/7/2020, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã có hiệu lực thi hành, đề nghị Công ty cổ phần thủy điện Miền Nam căn cứ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để thực hiện.





THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo **Nghị định số 114/2020/NĐ-CP** của CP, v/v quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, HTX, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nhân (x) với 12 tháng.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Doanh nghiệp tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm khi tạm nộp hàng quý và khi kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 116/2020/QH14 có hiệu lực thi hành và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Theo **Công văn số 3924/TCT-CS** ngày 18/9/2020 của TCT, trường hợp công ty TNHH A được Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 984576XXX ngày 24/10/2016 để thực hiện dự án sản xuất, gia công các loại giày thể thao, các bộ phận của giày. Ngày 31/12/2019, Công ty được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận ưu đãi số 10133/GXN-BCT cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với sản phẩm Đế giữa cho giày thể thao thì dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển nêu trên đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 9 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13, Điều 4 Thông tư số 21/2016/TT-BTC.

Theo báo cáo của Công ty thì: Dự án đầu tư của Công ty TNHH A thành lập năm 2016. Năm 2017 là năm đầu tiên dự án phát sinh doanh thu. Năm 2018, dự án đầu tư phát sinh thu nhập và hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp (miễn 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo). Năm 2019 dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì dự án được lựa chọn chuyển tiếp hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho thời gian còn lại kể từ năm 2019.



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan

Trong thời gian hoạt động, Công ty có bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng) hoặc sản xuất các sản phẩm khác chưa được Bộ Công Thương xác nhận là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì Công ty phải tính riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi theo điều kiện công nghiệp hỗ trợ và thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác để xác định thuế TNDN phải nộp theo đúng quy định.

Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN

Theo **Công văn số 4129/TCT-CS** ngày 01/10/2020 của TCT, hướng dẫn về chính sách thuế TNDN tại công văn số 10794/CT-TTKT9: Công ty CP A được Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8002506057 chứng nhận lần đầu ngày 19/5/2016 để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất bao bì Thông Minh Việt Nam thực hiện tại KCN Đại Đồng tỉnh Bắc Ninh (KCN Đại Đồng Hoàn Sơn được thành lập theo Quyết định số 319/Ttg-QĐ ngày 28/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ và không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi). Dự án tại Bắc Ninh đi vào hoạt động từ tháng 12/2016 và có doanh thu, thu nhập chịu thuế từ tháng 01/2017.





THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Chính sách thuế TNCN

Theo **Công văn số 4076/TCT-DNNCN** ngày 29/9/2020 của TCT, trường hợp xác định Công ty TNHH A và Chi nhánh Công ty tại Đồng Nai đã kê khai sai thuế TNCN của kỳ tính thuế Quý 1, Quý 2 năm 2019 đối với khoản tiền lương Công ty trực tiếp trả cho người lao động tại Chi nhánh thì Công ty và Chi nhánh thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Sau khi khai bổ sung hồ sơ khai thuế thì:

+ Nếu trong năm 2019 chi nhánh không phát sinh trả thu nhập cho cá nhân thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Số thuế chi nhánh đã nộp ở Đồng Nai được xác định là nộp thừa và Chi nhánh được xử lý số nộp thừa tại Đồng Nai theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

+ Nếu trong năm 2019 Chi nhánh có phát sinh trả thu nhập cho cá nhân thì Chi nhánh phải khai quyết toán thuế TNCN năm 2019, xác định thuế TNCN nộp thừa theo quyết toán thuế và được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Hoàn thuế TNCN đối với tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Theo **Công văn số 4218/TCT-DNNCN** ngày 06/10/2020 của TCT, Tại Khoản 1 Điều 60 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội quy định về việc xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa như sau:

“Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

1. Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì được bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty Cổ phần kết cấu thép A xác định có số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa tại thời điểm đề nghị hoàn thuế và không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật thì Công ty Cổ phần kết cấu thép A được cơ quan Thuế xem xét đề nghị hoàn thuế thu nhập cá nhân.



CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Xác định sản phẩm vàng thời khi tính thuế tài nguyên

Theo **Công văn số 3900/TCT-CS** ngày 17/9/2020 của TCT, trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh khai thác tài nguyên, toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm và được Bộ quản lý chuyên ngành xác nhận đã thành sản phẩm khác sản phẩm công nghiệp, mới bán ra thì xác định sản lượng tài nguyên và giá thuế tài nguyên khai thác trên cơ sở sau:

- Sản lượng tài nguyên khai thác để tính thuế tài nguyên được quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ tính thuế, theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm được quy định khoản 1, khoản 3 Điều 5 Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm công nghiệp, trừ đi chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp (không bao gồm chi phí khai thác, sàng, tuyển, làm giàu hàm lượng ở khâu khai thác, chế biến thu sản phẩm tài nguyên) theo quy định tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên;

Trường hợp giá tính thuế đơn vị khai thác xác định thấp hơn giá tính thuế tại Bảng giá do UBND cấp tỉnh quy định thì áp dụng giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định theo quy định khoản 4 Điều 6 Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn tại điểm c, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên.

Ngày 27/4/2020, Bộ Công thương có Công văn số 2949/BTC-CN trả lời Công văn số 314-20/PSGC ngày 07/4/2020 của Công ty TNHH Vàng A; Đề nghị Cục Thuế tỉnh Quảng Nam xem xét hồ sơ của Cty TNHH Vàng A và giải quyết cụ thể đúng quy định của pháp luật.

Chính sách thuế nhà thầu

Theo **Công văn số 3997/TCT-CS** ngày 24/9/2020 của TCT, tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên quy định về đối tượng không áp dụng Thông tư bao gồm: “Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng KNQ, cảng nội địa (ICD) làm kho hàng hóa để phụ trợ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công”.

Căn cứ các quy định trên, về nguyên tắc trường hợp công ty nước ngoài sử dụng kho ngoại quan làm kho hàng hóa để phụ trợ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công thì không thuộc đối tượng nộp thuế TNDN tại Việt Nam; Trường hợp công ty nước ngoài giao gia công cho doanh nghiệp trong khu chế xuất để sản xuất hàng hóa, sau đó đưa hàng hóa vào kho ngoại quan để bán cho các khách hàng ở nước ngoài, hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu tại kho ngoại quan trước khi xuất khẩu ra nước ngoài thì công ty nước ngoài thuộc đối tượng nộp thuế TNDN tại Việt Nam.

Đề nghị Công ty TNHH A cung cấp hồ sơ, hợp đồng và các tài liệu liên quan khác cho Cục Thuế tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.



VẤN ĐỀ KHÁC

Việc chuyển đổi hoá đơn điện tử thành chứng từ giấy

Theo **Công văn số 4023/TCT-CS** ngày 25/9/2020 của TCT, trường hợp chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần thì hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán.

- Trường hợp chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán thì hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy phục vụ lưu trữ phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC.

Theo đó, trường hợp Bệnh viện Nhi Trung ương chuyển đổi hoá đơn điện tử cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh sang hoá đơn giấy để phục vụ theo yêu cầu của bệnh nhân, làm chứng từ kế toán phục vụ cho việc đối chiếu, theo dõi kiểm tra giữa người bệnh và cơ quan, đơn vị bảo hiểm thì không nhất thiết phải có dấu người bán và hoá đơn được chuyển đổi sang hoá đơn giấy nêu trên thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật kế toán số 88/2015/QH13.

Dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử

Theo **Công văn số 4090/TCT-CNTT** ngày 30/9/2020 của TCT, về dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử, cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế Tổng cục Thuế đang xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử, trong đó có các phân hệ kết nối kỹ thuật với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Sau khi hoàn thiện hệ thống hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế sử dụng rà soát hồ sơ của doanh nghiệp đã gửi và thông báo cho doanh nghiệp để kết nối, kiểm thử và thực hiện các thủ tục, trình tự ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử theo đúng quy định. Dự kiến thời gian Tổng cục Thuế hoàn thiện hệ thống hóa đơn điện tử và thông báo cho doanh nghiệp là Quý 1/2021.

- Về phương thức kết nối dữ liệu với Tổng cục Thuế: Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 635/QĐ-TCT ngày 11/5/2020 về việc “*Ban hành Quy định về các thành phần chứa dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế*”. Doanh nghiệp nghiên cứu để có giải pháp cập nhật, nâng cấp hệ thống khi Tổng cục Thuế có thông báo triển khai hóa đơn điện tử theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Giữ chân người lao động trong thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động do ảnh hưởng của dịch Covid-19

Theo **Công văn số 4073/TCT-CS** ngày 28/9/2020 của TCT, về khoản chi giữ chân người lao động trong thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động do ảnh hưởng của dịch Covid-19

Tại công văn số 6801/CT-TTHT ngày 10/6/2020 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh nêu vướng mắc đối với trường hợp doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến nguyên vật liệu nhập về không đồng bộ dẫn đến không bố trí đủ việc làm cho người lao động. Vì vậy, để giữ chân người lao động trong thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động Công ty chi hỗ trợ cho người lao động là: 2.000.000 đồng/tháng/người thì khoản chi trên được coi



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan

là khoản chi có tính chất phúc lợi hay khoản chi tiền lương ngừng việc để được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp?

Để có cơ sở áp dụng chính sách thuế TNDN đối với khoản chi của doanh nghiệp giữ chân người lao động khi tạm hoãn hợp đồng lao động do ảnh hưởng của dịch Covid- 19 cần làm rõ đây là khoản chi có tính chất phúc lợi hay chi tiền lương ngừng việc.

Nếu khoản chi nêu trên là khoản chi có tính chất phúc lợi thì được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC (Tổng số chi có tính chất phúc lợi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp).

Nếu khoản chi nêu trên là chi tiền lương ngừng việc thì được tính toàn bộ vào chi phí tiền lương, tiền công và được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015) .

Để có cơ sở hướng dẫn thực hiện, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến về vấn đề nêu trên.

Ưu đãi đầu tư khi sát nhập địa giới hành chính

Theo **Công văn số 4019/TCT-CS** ngày 24/9/2020 của TCT, việc xác định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) để làm căn cứ xem xét miễn, giảm tiền thuê đất và miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Từ ngày 1/1/2020 toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc huyện Kỳ Sơn nhập vào thành phố Hòa Bình và không còn thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn theo Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của UBQH khóa 14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, kể từ ngày 01/01/2020, các dự án đầu tư mới được thành lập trên địa bàn huyện Kỳ Sơn sẽ không được hưởng ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư.

Trường hợp nếu các dự án đầu tư đã được thành lập trước ngày 01/01/2020, đang được hưởng ưu đãi đầu tư đối với tiền thuê đất vì tiếp tục được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian ưu đãi còn lại (nếu còn).

Trường hợp còn vướng mắc trong việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư thì đề nghị Cục Thuế có ý kiến đề Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản báo cáo, xin ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn theo thẩm quyền.

Kê khai, khấu trừ đối với hoá đơn bị bỏ sót

Theo **Công văn số 4160/TCT-CS** ngày 02/10/2020 của TCT, về nguyên tắc, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đã nộp nhưng phải trước khi cơ quan thuế ban Quyết định thanh tra, kiểm tra. Trường hợp, cơ quan thuế đã ban hành Kết luận, Quyết định xử lý về thuế sau khi kiểm tra, thanh tra; nếu người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp và được kiểm tra, thanh tra (liên quan đến thời kỳ, phạm vi kiểm tra, thanh tra) còn sai sót thì người nộp thuế được tự khai bổ sung, điều chỉnh; việc xử lý căn cứ chế độ quy định và nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sai sót, chưa đúng phải điều chỉnh.



VĂN BẢN KHÁC

Theo **Nghị định 123/2020/NĐ-CP** về Hóa đơn Chứng từ 22/10/2020 của Chính phủ, Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; việc quản lý, sử dụng chứng từ khi thực hiện các thủ tục về thuế, thu phí, lệ phí; và quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ.

Theo **Nghị định số 125/2020/NĐ-CP** ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn.

Theo **Nghị định số 126/2020/NĐ-CP** ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.